TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------*---------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy An**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Bi.**

2. Ông **Đặng Bình Thuỷ.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 337/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Hồ Thị L**, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Chổ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Căn cước công dân số: 040188031956.

- Bị đơn: **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1991 (vắng mặ).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cước công dân số: 082091009351.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Hồ Thị L trình bày:* Chị và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, vợ chồng thường hay cải nhau, anh T không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, đôi khi anh T có uống rượu về chửi và đánh chị. Vợ chồng ly thân khoảng 02 năm nay, không gặp nhau để trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L1 sinh ngày 30/5/2018. Hiện nay, cháu L1 đang sống với chị. Nay chị không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

***** Bị đơn anh Nguyễn Tấn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 134, ngày 22/12/2017 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 02/6/2026, chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh T do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, vợ chồng thường hay cải nhau, anh T không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, đôi khi anh T có uống rượu về chửi và đánh chị, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã ly thân khoảng 02 năm nay, không gặp nhau để trao đổi hàn gắn tình cảm. Hiện nay, chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Hơn nữa, từ khi chị L xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh T muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị L.

+ Chị Hồ Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005188 ngày 09/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị L đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- VKSND KV2 - ĐT;
- UBND xã Long Bình;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.